

**DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI
NGÂN SÁCH TỪNG XÃ, PHƯỜNG NĂM 2026**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách huyện
			Tổng số	Chia ra					
				Thu NSDP hưởng 100%	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia (theo phân cấp HĐND cấp tỉnh)				
A	B	1	2=3+4	3	4	5	6	7	8=2+5
	TỔNG SỐ	808.698	600.710	-	600.710	5.933.525	-	-	6.534.235
1	Phường Thục Phán	278.151	188.002		188.002	122.494			310.496
2	Phường Nùng Trí Cao	68.158	48.323		48.323	89.545			137.868
3	Phường Tân Giang	70.770	48.429		48.429	116.118			164.547
4	Xã Hòa An	33.711	20.652		20.652	151.676			172.328
5	Xã Bạch Đằng	4.039	3.110		3.110	71.178			74.288
6	Xã Nguyễn Huệ	1.739	1.378		1.378	117.562			118.940
7	Xã Nam Tuấn	2.887	2.297		2.297	123.173			125.470
8	Xã Phục Hòa	21.653	20.089		20.089	129.148			149.237
9	Xã Bế Văn Đàn	1.658	1.587		1.587	111.654			113.241
10	Xã Độc Lập	9.883	9.825		9.825	96.235			106.060
11	Xã Quảng Uyên	17.020	12.391		12.391	171.053			183.444
12	Xã Hạnh Phúc	8.350	8.270		8.270	128.012			136.282
13	Xã Trùng Khánh	27.147	19.955		19.955	163.622			183.577
14	Xã Trà Lĩnh	8.594	7.582		7.582	124.832			132.414
15	Xã Đình Phong	3.015	2.716		2.716	128.548			131.264
16	Xã Đàm Thủy	5.909	5.638		5.638	114.881			120.519
17	Xã Đoài Dương	3.243	2.993		2.993	118.048			121.041
18	Xã Quang Hán	1.553	1.492		1.492	98.682			100.174
19	Xã Quang Trung	1.358	1.145		1.145	82.734			83.879

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp		Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	
			Tổng số	Chia ra					
				Thu NSDP hưởng 100%					Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia (theo phân cấp HĐND cấp tỉnh)
A	B	1	2=3+4	3	4	5	6	7	8=2+5
20	Xã Đông Khê	12.118	11.399		11.399	119.788			131.187
21	Xã Minh Khai	371	321		321	58.499			58.820
22	Xã Canh Tân	549	549		549	63.129			63.678
23	Xã Đức Long	157	156		156	77.234			77.390
24	Xã Thạch An	15.286	15.001		15.001	76.829			91.830
25	Xã Kim Đồng	544	534		534	74.119			74.653
26	Xã Nguyên Bình	15.198	13.623		13.623	94.039			107.662
27	Xã Tĩnh Túc	1.334	1.243		1.243	76.154			77.397
28	Xã Minh Tâm	6.376	6.362		6.362	91.586			97.948
29	Xã Tam Kim	902	882		882	85.834			86.716
30	Xã Phan Thanh	160	160		160	84.809			84.969
31	Xã Thành Công	311	298		298	76.720			77.018
32	Xã Ca Thành	309	303		303	70.990			71.293
33	Xã Bảo Lạc	30.972	28.671		28.671	111.409			140.080
34	Xã Hưng Đạo	500	487		487	111.692			112.179
35	Xã Sơn Lộ	335	331		331	74.762			75.093
36	Xã Cốc Pàng	726	717		717	105.133			105.850
37	Xã Cô Ba	1.424	1.414		1.414	100.844			102.258
38	Xã Khánh Xuân	310	245		245	93.697			93.942
39	Xã Xuân Trường	322	310		310	75.590			75.900
40	Xã Huy Giáp	926	924		924	79.659			80.583
41	Xã Bảo Lâm	20.708	19.177		19.177	158.699			177.876
42	Xã Quảng Lâm	540	540		540	134.003			134.543
43	Xã Nam Quang	360	360		360	108.795			109.155
44	Xã Lý Bôn	48.010	48.000		48.000	76.258			124.258

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách huyện
			Tổng số	Chia ra					
				Thu NSDP hưởng 100%	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia (theo phân cấp HĐND cấp tỉnh)				
A	B	1	2=3+4	3	4	5	6	7	8=2+5
45	Xã Yên Thổ	602	597		597	129.876			130.473
46	Xã Trường Hà	14.006	11.870		11.870	147.900			159.770
47	Xã Thông Nông	8.573	7.689		7.689	123.780			131.469
48	Xã Hà Quảng	2.659	2.259		2.259	131.585			133.844
49	Xã Lũng Nặm	350	350		350	122.199			122.549
50	Xã Tổng Cọt	300	300		300	110.965			111.265
51	Xã Cản Yên	472	472		472	134.768			135.240
52	Xã Thanh Long	415	390		390	114.952			115.342
53	Xã Hạ Lang	43.596	8.864		8.864	121.671			130.535
54	Xã Lý Quốc	1.989	1.941		1.941	76.338			78.279
55	Xã Vinh Quý	4.571	4.546		4.546	92.726			97.272
56	Xã Quang Long	3.579	3.551		3.551	87.299			90.850